

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Văn học
Tên tiếng Anh: Literature
Tên chuyên ngành: Văn học
Mã ngành: 7229030
Trình độ đào tạo: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy

Đắk Lắk, 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHTN ngày... Tháng... năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Tên chương trình: Văn học
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Văn học Mã ngành: 7229030
Hình thức đào tạo: Chính quy
Tên gọi văn bằng: Cử nhân Văn học
Thời gian đào tạo: 4 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Văn học có năng lực chuyên môn và nghiên cứu khoa học để làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến văn học, ngôn ngữ; có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; có đủ sức khỏe; có khả năng tự học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc về lĩnh vực văn hóa- văn học và ngôn ngữ; có tư duy biện chứng và năng động sáng tạo; có khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm; có kiến thức khởi nghiệp; có trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học đáp ứng yêu cầu và sự thay đổi của công việc chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu của chương trình là đào tạo sinh viên có những phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

1.2.1. Về kiến thức

M1. Có kiến thức về những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với thực tiễn.

M2. Có kiến thức vững vàng về xã hội học, tâm lý học, kỹ năng mềm, khởi nghiệp và phương pháp nghiên cứu khoa học để vận dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp. Có kiến thức sâu rộng về văn hóa Việt Nam cũng như văn hóa, đời sống, phong tục tập quán của địa phương; về mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn học với văn hóa.

M3. Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về khoa học Ngữ văn, bao gồm tất cả các lĩnh vực thuộc ngôn ngữ học và văn học, khoa học báo chí và thực hành văn bản.

1.2.2. Về kỹ năng, thái độ

M4. Có các kỹ năng giao tiếp và hợp tác; thiết lập mục tiêu và giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh); có kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu về chất lượng của khoa học xã hội và nhân văn.

M5. Có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học Ngữ văn vào thực tế đời sống: nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của ngôn ngữ học và tiếng Việt; nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu của văn học.

M6. Có ý thức trách nhiệm cao, đạo đức tốt, tác phong mẫu mực.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ - tin học

M7. Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 và có chứng chỉ CNTT cơ bản hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên

2. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Có thể làm công tác nghiên cứu tại các viện, các trung tâm, các cơ quan đoàn thể xã hội khác liên quan tới lĩnh vực báo chí, xuất bản; theo dõi và quản lý hoạt động văn hoá, văn học, ngôn ngữ,...; trở thành chuyên viên của các phòng, sở, các ban ngành liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ và văn học.

- Có thể bổ sung khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm để làm giáo viên giảng dạy Ngữ văn tại các trường trung học phổ thông; làm giảng viên các trường cao đẳng và đại học.

- Có thể tiếp tục học lên sau đại học các ngành thuộc văn học, ngôn ngữ, văn hóa và báo chí.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

3.1.1. Kiến thức chung

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ (TC). M = 33**5.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 35 TC** (Không tính Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng)**5.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 97 TC**

- Kiến thức cơ sở ngành (39 TC)
- Kiến thức ngành (48 TC)
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế (10 TC)

6. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của trường Đại học Tây Nguyên và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Áp dụng “Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ – ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

8. Cách thức đánh giá

Áp dụng “Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ – ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

9. Nội dung chương trình**9.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 35 TC**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
1	ML211030	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	3	0	
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	2	0	ML211030
3	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	ML211031
4	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	0	ML211032
5	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2	0	ML211002
6	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0	2		
7	SP211014	Tâm lí học đại cương	2	2	0	2		
8	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3		
9	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3		FL211011
10	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3		FL211012
11	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3		FL211013
12	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2		
13	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2		
14	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2		
15	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1.5	0.5	2		
Tổng cộng			35	31.9	3.1	35	0	

Nhóm học phần thay thế các học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4 đối với sinh viên nước ngoài

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
16	SP211101	Ngữ âm tiếng Việt	3	3	0	3		
17	SP211102	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	3	2	0	3		SP211101
18	SP211103	Ngữ pháp tiếng Việt	3	3	0	3		SP211102
19	SP211104	Phong cách học tiếng Việt	3	3	0	3		SP211103
Tổng cộng			12	12	0	12	0	

9.2. Kiến thức giáo dục thể chất: 03 TC

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
20	SP211032	Thể dục cơ bản và điền kinh	1		1	1		
<i>Học phần tự chọn 1: 1/4</i>								
21	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1		1		1	
22	SP211034	Bơi lội cơ bản	1		1			

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
23	SP211035	Cầu lông cơ bản	1		1			
24	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1		1			
<i>Học phần tự chọn 2: 2/4</i>								
25	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1		1		1	
26	SP211037	Teakwondo cơ bản	1		1			
27	SP211038	Bóng đá cơ bản	1		1			
28	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1		1			
Tổng:			3	0	3	1	2	

Đối với sinh viên sức khỏe hạn chế thi học các học phần sau:

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
29	SP211039	Cờ vua 1	1		1	1		
30	SP211040	Cờ vua 2	1		1	1		SP211039
31	SP211041	Cờ vua 3	1		1	1		SP211040
Tổng:			3	0	3	3	0	

9.3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng: 8 TC

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP tiên quyết/ HP học trước
			Tổng	LT	TH	BB	TC	
32	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	3		
33	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0	2		
34	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1		
35	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2		
Tổng cộng			8	5.7	2.3	8	0	

Nhóm học phần thay thế nhóm học phần Giáo dục quốc phòng đối với sinh viên nước ngoài

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
36	SP211103	Tiếng Việt nâng cao	2	2	0	2		
37	SP211106	Văn hóa Việt Nam	3	3	0	3		
38	SP211107	Lịch sử Việt Nam	3	3	0	3		
Tổng cộng			8	8	0	8	0	

9.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 97 TC

9.4.1. Kiến thức cơ sở ngành (39 TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
39	SP212102	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	2	0	2		
40	SP212103	Tiến trình văn học	2	2	0	2		SP212102
41	SP212105	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	1.5	0.5	2		
42	SP212004	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ báo chí	2	2	0	2		
43	SP212201	Lịch sử tiếng Việt	2	2	0	2		
44	SP211002	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	0	2		
45	SP211100	Hán văn cơ sở	2	2	0	2		
46	SP212099	Mỹ học và Nguyên lý lý luận văn học	2	2	0	2		
47	SP211003	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	1,5	0,5	2		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
	SP211021	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	2	2	0	2		
49	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2	1,5	0,5	2		
50	SP213001	Văn học dân gian Việt Nam	3	3	0	3		
51	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	2		
52	SP213125	Ngữ âm tiếng Việt	2	2	0	2		SP211002
53	SP213126	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	2	0	2		SP213125
54	SP213147	Ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0	2		SP213126
55	SP213128	Phong cách học tiếng Việt	2	2	0	2		SP213147
56	SP213120	Văn bản Hán văn Trung Hoa	2	2	0	2		SP211100
57	SP213121	Văn bản Hán – Nôm Việt Nam	2	2	0	2		SP213120
Tổng cộng			39	37.5	1.5	39		

9.4.2. Kiến thức ngành (48 TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
58	SP213109	Văn học Châu Á	2	2	0	2		
59	SP213100	Văn học Việt Nam trung đại 1	2	2	0	2		
60	SP213111	Văn học Việt Nam trung đại 2	2	2	0	2		SP213100
61	SP213112	Văn học Việt Nam trung đại 3	2	2	0	2		SP213111
62	SP213129	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1	2	2	0	2		
63	SP213102	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2	3	3	0	3		SP213129
64	SP213115	Văn học Trung Quốc	3	3	0	3		
65	SP213116	Văn học phương Tây 1	2	2	0	2		
66	SP213117	Văn học phương Tây 2	2	2	0	2		SP213116
67	SP213118	Văn học phương Tây 3	2	2	0	2		SP213117
68	SP213119	Văn học Nga và văn học Xô Viết	2	2	0	2		
69	SP213142	Thực tế chuyên ngành	1	0	1	1		
70	SP213214	Ngữ dụng học	2	2	0	2		
71	SP213215	Ngữ pháp chức năng	2	2	0	2		
72	SP213108	Văn học Tây Nguyên	2	2	0	2		
73	SP214006	Chuyên đề Cơ sở tiếng Việt	2	2	0			
74	SP214205	Thi pháp học	2	2	0		2	
75	SP214129	Thi pháp văn học dân gian	2	2	0			
76	SP214139	Chuyên đề Tiếng Êđê	2	2	0			
77	SP214148	Thuyết trình chuyên ngành	2	2	0		2	
78	SP214145	Ảnh hưởng văn học Phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại	2	2	0			
79	SP214138	Chuyên đề Từ Hán – Việt	2	2	0			
80	SP214144	Thơ Đường	2	2	0		2	
81	SP214143	Tiểu thuyết Minh – Thanh	2	2	0			
82	SP214135	Chuyên đề Ngôn ngữ nghệ thuật	2	2	0			
83	SP214004	Tác giả và phong cách nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam	2	2	0		2	
84	SP214003	Chuyên đề Thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt	2	2	0		2	
85	SP214147	Văn học Việt Nam sau 1975	2	2	0			
86	SP214142	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	2	2	0		2	
87	SP214002	Chuyên đề Logic và tiếng Việt	2	2	0			
88	SP213208	Thực tập nghề nghiệp	5	0	5	5		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
Tổng cộng			48	42	6	36	12	

9.4.2. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế (10 TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
89	SP215145	Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên đủ điều kiện)	10	0	10		10	
90	SP215152	Chuyên đề tốt nghiệp (sinh viên không đủ điều kiện hoặc không làm khóa luận tốt nghiệp)	4	0	4		4	

Dành cho sinh viên làm chuyên đề tốt nghiệp

91	SP215146	Lí luận văn học	3	3	0		3	
92	SP215009	Cơ sở Ngôn ngữ và tiếng Việt	3	3	0			
93	SP215148	Văn học dân gian	3	3	0			
94	SP215149	Văn học Việt Nam trung đại	3	3	0		3	
95	SP215150	Văn học Việt Nam hiện đại	3	3	0			
Tổng cộng			10				0	10

10. Kế hoạch giảng dạy chuẩn

10.1. Năm thứ nhất

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
Học kỳ 1					
1	SP211014	Tâm lí học đại cương	2	2	
2	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	
3	SP211101	Ngữ âm tiếng Việt (Dành cho SV nước ngoài, thay thế học phần Tiếng Anh 1)	3		
4	SP211021	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	2	2	
5	SP212201	Lịch sử tiếng Việt	2	2	
6	SP211002	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	
7	KC211027	Tin học đại cương	2	2	
8	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	
9	SP211032	Thế dục cơ bản và điện kinh	1		
10	SP211039	Cờ vua 1 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	1	1	
Tổng:			16	16	0
Học kỳ 2					
1	ML211030	Triết học Mác - Lê nin	3	3	
2	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	
3	SP211102	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt (Dành cho SV nước ngoài, thay thế học phần Tiếng Anh 2)	3		
4	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	
	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	
6	SP211100	Hán văn cơ sở	2	2	
7	SP213001	Văn học dân gian Việt Nam	3	3	
8	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1		
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1		1
12	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1		
12	SP211040	Cờ vua 2 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	1		
Tổng:			18	17	1

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
-----	-------	--------------	------------	----	----

10.2. Năm thứ 2:

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
Học kỳ 1					
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	
2	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2	2	
3	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	
4	SP211103	Ngữ pháp tiếng Việt (Dành cho SV nước ngoài, thay thế học phần Tiếng Anh 3)	3		
5	SP213120	Văn bản Hán văn Trung Hoa	2	2	
6	SP213125	Ngữ âm tiếng Việt	2	2	
7	SP213116	Văn học phương Tây 1	2	2	
8	SP213100	Văn học Việt Nam trung đại 1	2	2	
9	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	
10	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	
11	QP211012	Quân sự chung	1	1	
12	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	
Các học phần thay thế nhóm học phần quân sự dành cho SV nước ngoài					
13	SP211103	Tiếng Việt nâng cao	2	2	
14	SP211106	Văn hóa Việt Nam	3	3	
15	SP211107	Lịch sử Việt Nam	3	3	
Tổng:			23	23	
Học kỳ 2					
1	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
2	SP213117	Văn học phương Tây 2	2	2	
3	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	
4	SP211104	Phong cách học TV (Dành cho SV nước ngoài, thay thế học phần Tiếng Anh 4)	3		
5	SP213142	Thực tế chuyên ngành	0	1	
6	SP212099	Mỹ học và Nguyên lý lý luận văn học	2	2	
7	SP213111	Văn học Việt Nam trung đại 2	2	2	
8	SP213126	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	2	
9	SP213121	Văn bản Hán –Nôm Việt Nam	2	2	
10	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1		1
11	SP211037	Teakwondo cơ bản	1		
12	SP211038	Bóng đá cơ bản	1		
13	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1		
14	SP211041	Cờ vua 3 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	1		
Tổng:			17	16	1

10.3. Năm thứ 3:

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
Học kỳ 1					
1	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
2	SP213112	Văn học Việt Nam trung đại 3	2	2	
3	SP213109	Văn học Châu Á	2	2	
4	SP212102	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	2	
5	SP213129	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1	2	2	
6	SP213147	Ngữ pháp tiếng Việt	2	2	
7	SP213118	Văn học phương Tây 3	2	2	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
8	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	
9	SP212004	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ báo chí	2	2	
Tổng:			18	18	0
Học kỳ 2					
1	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
2	SP213128	Phong cách học tiếng Việt	2	2	
3	SP213119	Văn học Nga và văn học Xô Viết	2	2	
4	SP213215	Ngữ pháp chức năng	2	2	
5	SP213102	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2	3	3	
6	SP212103	Tiền trình văn học	2	2	
7	SP214006	Chuyên đề Cơ sở tiếng Việt	2	0	2
8	SP214205	Thi pháp học	2	0	
9	SP214129	Thi pháp văn học dân gian	2	0	2
10	SP214139	Chuyên đề Tiếng Êđê	2	0	
11	SP214148	Thuyết trình chuyên ngành	2	0	
12	SP214145	Ảnh hưởng văn học Phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại	2	0	
Tổng:			17	13	4

10.4. Năm thứ 4:

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
Học kỳ 1					
1	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
2	SP213214	Ngữ dụng học	2	2	
3	SP212105	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2	
4	SP213115	Văn học Trung Quốc	3	3	
5	SP213108	Văn học Tây Nguyên	2	2	
6	SP214138	Chuyên đề Từ Hán – Việt	2		2
7	SP214144	Thơ Đường	2		
8	SP214143	Tiểu thuyết Minh – Thanh	2		2
9	SP214135	Chuyên đề Ngôn ngữ nghệ thuật	2		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
10	SP214004	Tác giả và phong cách nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam	2		
11	SP214003	Chuyên đề Thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt	2		2
12	SP214147	Văn học Việt Nam sau 1975	2		
13	SP214142	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	2		2
14	SP214002	Chuyên đề Logic và tiếng Việt	2		
Tổng:			19	11	8
Học kỳ 2					
1	SP213208	Thực tập nghề nghiệp	5	5	
2	SP215145	Khóa luận tốt nghiệp	10		10
3	SP215152	Chuyên đề Tốt nghiệp	4		4
4	SP215146	Lí luận văn học	3		
5	SP215009	Cơ sở Ngôn ngữ và tiếng Việt	3		3
6	SP215148	Văn học dân gian	3		
7	SP215149	Văn học Việt Nam trung đại	3		3
8	SP215150	Văn học Việt Nam hiện đại	3		
Tổng:			15	5	10

39	Tác phẩm văn học và thể loại				3				2		2	2		1
409	Tiến trình văn học				3				2		2	2		1
41	Thực hành văn bản tiếng Việt				2	3			2		2	2		1
42	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ báo chí				2	3			2		2	2		1
43	Lịch sử tiếng Việt				2	3			2		2	2		1
44	Dẫn luận ngôn ngữ học				2	3			2		2	2		1
45	Hán văn cơ sở				2	3			2		2	2		1
46	Mỹ học và Nguyên lý lý luận văn học				3	1	1		2		2	2		1
47	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3			3						2	1		1
48	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	3			3						2			1
49	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	3			3						2			1
50	Văn học dân gian Việt Nam	1			3		2		2		2	2		1
51	Lịch sử văn minh thế giới	3												2
52	Ngữ âm tiếng Việt				2	3			2		2	2		1
53	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt				2	3			2		2	2		1
54	Ngữ pháp tiếng Việt				2	3			2		2	2		1
55	Phong cách học tiếng Việt				2	3			2		2	2		1
56	Văn bản Hán văn Trung Hoa				2	3			2		2	2		1
57	Văn bản Hán – Nôm Việt Nam				2	3			2		2	2		1
58	Văn học Châu Á				3	2	2		2	2			1	3
59	Văn học Việt Nam trung đại 1				3	2	2		2	2			1	3
60	Văn học Việt Nam trung đại 2				3	2	2		2	2			1	3
61	Văn học Việt Nam trung đại 3				3	2	2		2	2			1	3
62	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1				3	2	2		2	2			1	3
63	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2				3	2	2		2	2			1	3
64	Văn học Trung Quốc				3	2	2		2	2			1	3
65	Văn học phương Tây 1				3	2	2		2	2			1	3
66	Văn học phương Tây 2				3	2	2		2	2			1	3
67	Văn học phương Tây 3				3	2	2		2	2			1	3
68	Văn học Nga và văn học Xô Viết				3	2	2		2	2			1	3
69	Thực tế chuyên ngành						3						2	3
70	Ngữ dụng học				2	3			2		2	2		1
71	Ngữ pháp chức năng				2	3			2		2	2		1
72	Văn học Tây Nguyên				3	2	2		2	2			1	3
73	Chuyên đề Cơ sở tiếng Việt				2	3			2		2	2		1
74	Thi pháp học				3	2	2		2	2			1	3
75	Thi pháp văn học dân gian				3	2	2		2	2			1	3
76	Chuyên đề Tiếng Êđê				2	3			2		2	2		1
77	Thuyết trình chuyên ngành				3	2	2		2	2			1	3

78	Ảnh hưởng văn học Phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại				3		2		2	2		1	3
79	Chuyên đề Từ Hán – Việt				2		3		2		2		1
80	Thơ Đường				3		2		2	2		1	3
81	Tiểu thuyết Minh – Thanh				3		2		2	2		1	3
82	Chuyên đề Ngôn ngữ nghệ thuật				2		3		2		2		1
83	Tác giả và phong cách nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam				3		2			2		1	3
84	Chuyên đề Thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt				2		3		2		2		1
85	Văn học Việt Nam sau 1975				3		2		2	2		1	3
86	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại				3		2		2	2		1	3
87	Chuyên đề Logic và tiếng Việt				2		3		2		2		1
88	Thực tập nghề nghiệp							3				1	3
89	Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên đủ điều kiện)								3			2	3
90	Chuyên đề tốt nghiệp (sinh viên không đủ điều kiện hoặc không làm khóa luận tốt nghiệp)								3			2	3
91	Lí luận văn học				3		2		2	2		1	3
92	Cơ sở Ngôn ngữ và tiếng Việt				2		3		2		2		1
93	Văn học dân gian				3		2		2	2		1	3
94	Văn học Việt Nam trung đại				3		2		2	2		1	3
95	Văn học Việt Nam hiện đại				3		2		2	2		1	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với c huẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp

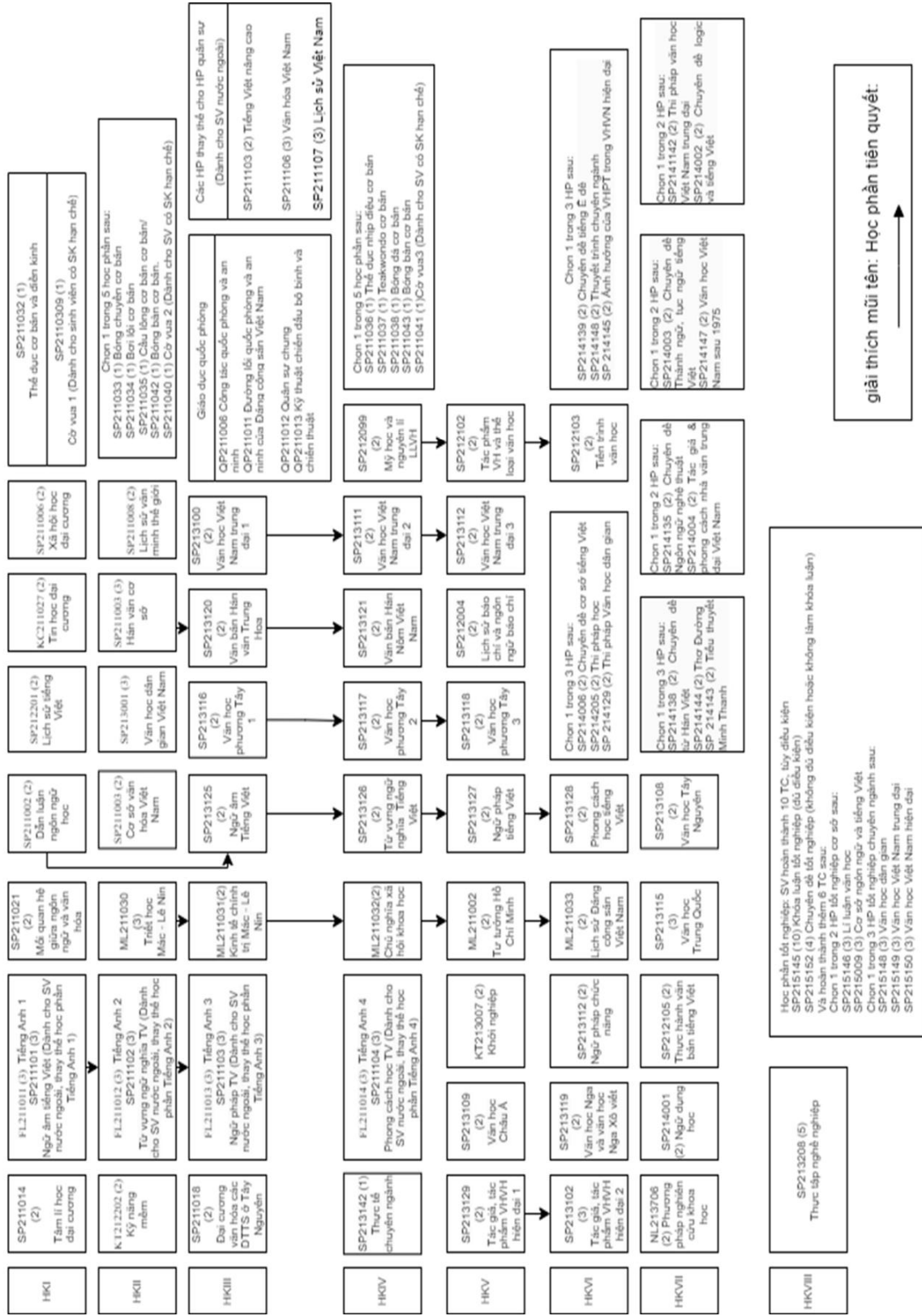
2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Đề trống = không đóng góp.

12. Tiến trình đào tạo

TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: VĂN HỌC (132 TÍN CHỈ)



giải thích mũi tên: Học phần tiên quyết: →